

Bản án số: 179/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo

Bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2024/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1992; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/4/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B ghen tuông vô cớ, nhiều lần anh B lấy điện

thoại của chị để kiểm tra, xâm phạm đời sống cá nhân của chị. Thời điểm này, chị có ý định ly hôn nhưng anh B đã viết cam kết không ghen tuông nữa nên chị cố gắng tiếp tục chung sống vì các con. Tháng 5/2023, anh B đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh B vẫn thỉnh thoảng liên lạc về cho chị nhưng mỗi lần nói chuyện vợ chồng chị lại xảy ra cãi nhau. Từ tháng 02/2024, anh B không gửi tiền về cho chị nuôi con. Sau đó, anh B thường xuyên gọi điện, nhắn tin chửi bới, xúc phạm, đe dọa chị nên từ tháng 3/2024 chị đã chặn mọi liên lạc của anh B. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/01/2014 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 13/3/2016. Hiện nay cháu A đang ở với ông nội là Nguyễn Văn S, còn cháu T1 đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị mỗi người nuôi 01 con, chị nuôi cháu T1 còn anh B nuôi cháu A. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Văn B ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh B. Ông Nguyễn Văn S (là bố đẻ của anh B) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh B vẫn thường xuyên liên lạc với ông qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh B biết. Thông qua gia đình, anh B xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh B đồng ý. Về con chung: Anh B xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh B có quan điểm mỗi người nuôi 01 con, anh B nuôi cháu Bảo A, chị T nuôi cháu Bảo T1. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian ở nước ngoài, anh B nhờ ông chăm sóc cháu Bảo A, ông đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh B vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Giao cho chị T được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 13/3/2016; giao cho anh B được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/01/2014 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh B ở nước ngoài, tạm giao cháu Bảo A cho ông Nguyễn Văn S nuôi dưỡng. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn B hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh B tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị T và gia đình anh B cung cấp địa chỉ, nhưng chị T và gia đình anh B không cung cấp được. Ông Nguyễn Văn S là bố đẻ anh B xác định anh B vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, ông đã thông báo về việc chị T có đơn xin ly hôn, anh B không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Tại phiên tòa, chị T, ông S vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào

ngày 05/4/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh B đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh B đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh B có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/01/2014 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 13/3/2016. Hiện cháu T1 đang ở với chị T, cháu Bảo A đang ở với ông nội là Nguyễn Văn S. Khi ly hôn, chị T và anh B có quan điểm mỗi người nuôi 01 con, chị T đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1. Anh B đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A và nhờ ông nội là Nguyễn Văn S chăm sóc cháu A trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Xét thấy hiện nay chị T đang ở Việt Nam, anh B đang ở nước ngoài nhưng nhờ ông S là bố để chăm sóc con trong thời gian anh không ở Việt Nam, ông S nhất trí. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con, cần giao cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo T1 và giao cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo A như nguyện vọng của hai anh chị là phù hợp. Trong thời gian anh B ở nước ngoài, tạm giao cháu Bảo A cho ông Nguyễn Văn S (ông nội) trông nom, chăm sóc cho đến khi anh B về Việt Nam. Chị T và anh B tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 13/3/2016; giao cho anh Nguyễn Văn B được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/01/2014 kể từ tháng 06/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu Bảo A cho ông Nguyễn Văn S nuôi dưỡng trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000481 ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

